



## BẢNG CHI TIẾT VẬT TƯ - THIẾT BỊ SỬ DỤNG CHO CÔNG TRÌNH XD TRỌN GÓI GIÁ 5.300.000đ/m<sup>2</sup>

STT	HẠNG MỤC SỬ DỤNG	CHUNG LOẠI VẬT TƯ
<b>I. Vật tư phần thô</b>		
1	Cát bê tông và cát xây tô	- Cát xây tô tiêu chuẩn + Cát rửa hạt lớn đồ bê tông + Cát mi xây tô
2	Đá 1x2 và 4x6cm	- Đá bê tông theo tiêu chuẩn + Đá 1x2 + Đá 4x6
3	Sắt tron và sắt gân	- Sắt tiêu chuẩn + Sắt Việt Nhật hoặc Miền Nam hoặc Pomina
4	Xi măng PCB40	+ Xi măng Hà Tiên, Holcim + Xi măng Bim Sơn, Thăng Long hoặc tương đương
5	Gạch ống và gạch thẻ	- Gạch Tuynen tiêu chuẩn, kích thước 8x18x18 + Thương hiệu: Tâm Quỳnh, Quốc Toàn, Thành Tâm hoặc tương đương
6	Ống nước nóng, lạnh	- Ống nước ống lạnh Bình Minh (đi âm và đi nổi) hoặc tương đương + Quy cách: theo tiêu chuẩn nhà sản xuất + Đường kính ống: theo bản vẽ thiết kế
7	Dây điện	- Dây điện Cadivi hoặc tương đương theo qui định của đơn vị thiết kế
8	Ống cứng, ống mềm luồn dây điện	Ống luồn dây điện âm sàn bê tông cốt thép hoặc âm tường hoặc nền theo qui định của đơn vị thiết kế
9	Bê tông đá 1x2 hoặc 4x6	Bê tông thương phẩm hoặc trộn máy tại công trình: theo điều kiện thi công thực tế
10	Vật liệu chống thấm	Hóa chất chống thấm Sika hoặc Kova hoặc tương đương
<b>II. Vật tư hoàn thiện</b>		
<b>1. Phần gạch ốp, lát</b>		
1.1	Gạch lát nền các tầng	- Kích thước: 800x800mm - Loại gạch: bóng kiếng - Đơn giá: 230.000đ/m <sup>2</sup> - Len gạch kích thước: 120x800, cắt từ gạch nền - Hãng sản xuất: Ý Mỹ, Vigracera, Prime, Tasa hoặc tương đương.
1.2	Gạch lát nền các tầng	- Kích thước: 600x600mm - Loại gạch: bóng kiếng - Đơn giá: 190.000đ/m <sup>2</sup> - Len gạch kích thước: 100x600, cắt từ gạch nền - Hãng sản xuất: Ý Mỹ, Vigracera, Prime, Tasa hoặc tương đương.
1.3	Gạch nền sân thượng, sân trước, sân sau	- Kích thước: 400x400mm hoặc 500x500mm - Loại gạch: chống trơn trượt - Đơn giá: 130.000đ/m <sup>2</sup> - Hãng sản xuất: Ý Mỹ, Vigracera, Prime, Tasa hoặc tương đương.
1.4	Gạch lát nền vệ sinh, ban công	- Lát theo mẫu chọn - Kích thước: 300x300mm hoặc 300x600mm - Loại gạch: chống trơn trượt - Đơn giá: 140.000đ/m <sup>2</sup> - Hãng sản xuất: Ý Mỹ, Vigracera, Prime, Tasa hoặc tương đương.
1.5	Gạch ốp tường vệ sinh	- Kích thước: 300x600 - Loại gạch: theo mẫu chọn - Đơn giá: 140.000đ/m <sup>2</sup> - Hãng sản xuất: Ý Mỹ, Vigracera, Prime, Tasa hoặc tương đương.
1.6	Keo chà ron	- Loại: Việt Nam - Đơn giá: 25.000đ/ bịch
<b>2. Phần Sơn nước</b>		
2.1	Sơn nước ngoài trời	- Sơn Maxilite - Bột trét Joton hoặc Mykolor

2.2	Sơn nước trong nhà	- Sơn Maxilite - Bột trét Joton hoặc Mykolor
2.3	Sơn dầu cho cửa, lan can, khung sắt bảo vệ	- Sơn dầu Expo, Bạch Tuyết
<b>3.</b>	<b>Phần cửa đi, cửa sổ</b>	
3.1	Cửa đi chính tầng trệt	- Cửa nhôm Xingfa Việt Nam, dày 2mm - Khóa Kinlong loại 2 - Sơn tĩnh điện, màu xám - Kính 8 ly dán để can mờ - Đơn giá: 2.0500.000đ/m <sup>2</sup>
3.2	Cửa đi các phòng	- Cửa gỗ công nghiệp HDF - Màu sơn: tùy chủ nhà chọn hoặc theo thiết kế - Đơn giá: 2.800.000đ/ 1 bộ (chưa bao gồm khóa)
3.3	Cửa đi toilet	- Cửa nhôm Xingfa Việt Nam, dày 1.4mm - Khóa Kinlong loại 2 - Sơn tĩnh điện, màu xám - Kính 8 ly dán để can mờ - Đơn giá: 2.0500.000đ/m <sup>2</sup>
3.4	Cửa đi ban công, sân thượng (nếu có)	- Cửa nhôm Xingfa Việt Nam, dày 1.4mm - Khóa Kinlong loại 2 - Sơn tĩnh điện, màu xám - Kính 8 ly - Đơn giá: 2.0500.000đ/m <sup>2</sup>
3.5	Cửa đi ban công, sân thượng (nếu có)	- Cửa nhôm Xingfa Việt Nam dày 1.4mm - Khóa Kinlong loại 2 - Sơn tĩnh điện, màu xám - Kính 8 ly dán để can mờ - Đơn giá: 2.0500.000đ/m <sup>2</sup>
3.4	Khung sắt bảo vệ ô cửa sổ (chỉ bao gồm hệ thống cửa mặt tiền)	- Sắt hộp 20x20x1.0mm - Sơn dầu - Mẫu tùy chọn (khoảng hở lỗ 150x150mm) - Đơn giá: 800.000đ/m <sup>2</sup>
<b>4.</b>	<b>Phần cầu thang</b>	
4.1	Lan can cầu thang	- Lan can sắt hộp - Độ dày 20x40x1.0mm và D21x1mm - Màu sơn: tùy chủ nhà chọn hoặc theo thiết kế
4.2	Tay vịn cầu thang	- Tay vịn gỗ Xoan Đào - Kích thước: 70x70
<b>5.</b>	<b>Phần đá Granite</b>	
5.1	Đá mặt bậc cầu thang, len cầu thang, mặt bếp	- Đá Campuchia, Trung Quốc, Phú Yên - Đơn giá: 900.000đ/m <sup>2</sup>
5.2	Đá ốp mặt tiền tầng trệt	- Đá Campuchia, Trung Quốc, Phú Yên - Đơn giá: 1.000.000đ/m <sup>2</sup>
<b>6.</b>	<b>Thiết bị điện</b>	
6.1	Vỏ tủ điện tổng và tủ điện tầng	- Loại: 8, 6, 4 - Hãng sản xuất: Sino
6.2	MCB, công tắc, ổ cắm	- Loại: Sino - Số lượng 1 phòng: 4 công tắc, 4 ổ cắm
6.3	Ổ cắm điện thoại, internet	- Loại: Sino - Số lượng: mỗi phòng 1 cái hoặc theo thiết kế
6.4	Đèn thấp sáng đáy ban công	- Đèn nổi 12W MPE hoặc Duhal - Số lượng: mỗi tầng từ 1-> 2 bộ tùy theo thiết kế - Đơn giá: 350.000đ/1 bộ
6.5	Đèn vệ sinh	- Đèn âm trần 9W MPE hoặc Duhal - Số lượng: mỗi toilet 2 bộ - Đơn giá: 110.000đ/1 bộ
6.6	Đèn trang trí tường cầu thang	- Mẫu tùy chọn theo Catalogue Nam Long, 365 hoặc tương đương - Số lượng: mỗi tầng 1 bộ - Đơn giá: 600.000đ/1 bộ
6.7	Đèn lon trang trí trần thạch cao	- Số lượng: 9 bộ/ phòng hoặc theo thiết kế - Loại đèn: Anfacó hoặc tương đương
6.8	Đèn hắt trang trí trần thạch cao	- Số lượng: 10m/ phòng - Loại đèn: Anfacó hoặc tương đương
<b>7.</b>	<b>Thiết bị vệ sinh - Thiết bị nước</b>	

7.1	Bàn cầu	- Loại: Caesa, Inax, Viglacera, American - Vị trí: 1 toilet/ 1 bộ - Đơn giá: 2.500.000đ/1 bộ
7.2	Lavabo + bộ xả	- Loại: Caesa, Inax, Viglacera, American - Vị trí: 1 toilet/1 bộ - Đơn giá: 1.200.000đ/1 bộ
7.3	Vòi xả lavabo	- Loại vòi: nóng lạnh - Số lượng: 1 toilet/1 bộ - Hãng sản xuất: Caesa hoặc Inax - Đơn giá: 450.000đ/1 bộ
7.4	Vòi sen tắm	- Loại vòi: nóng lạnh - Số lượng: 1 toilet/1 bộ - Hãng sản xuất: Caesa hoặc Inax - Đơn giá: 1.800.000đ/1 bộ
7.5	Vòi xịt toilet	- Loại vòi: Caesa hoặc Inax - Số lượng: 1 toilet/1 bộ - Đơn giá: 150.000đ/1 bộ
7.6	Vòi sân trước	- Loại vòi: Việt Nam - Số lượng: theo thiết kế - Đơn giá: 100.000đ/1 bộ
7.7	Phễu thu sàn	- Loại: inox chống mùi hôi 150x150-D90 hoặc 120x120-D60 - Đơn giá: 100.000đ/1 bộ
7.8	Cầu chắn rác	- Inox
7.9	Chậu rửa chén	- Loại 2 ngăn không cánh: inox 304 - Đơn giá: 1.500.000đ/1 bộ - Số lượng: 1 bộ
7.10	Vòi rửa chén	- Loại: inox 304 - Số lượng: 1 bộ - Đơn giá: 1.000.000đ/1 bộ
7.11	Bồn nước inox	- Hãng sản xuất: Đại Thành - Dung tích: 1000 lít - Số lượng: 1 bồn
7.12	Máy bơm nước	- Nhà sản xuất: Panasonic - Loại: 200W hoặc tương đương - Số lượng: 1 máy
7.13	Hệ thống ống nước nóng năng lượng mặt trời	Bình Minh hoặc tương đương hoặc ống theo máy nước nóng NLMT
7.14	Máy nước nóng năng lượng mặt trời	Loại 150 lít: Tân Á Đại Thành hoặc tương đương
7.15	Hệ thống ống đồng máy lạnh chờ: Lắp đặt cho các phòng ngủ	Ống đồng Thái Lan dày 7 zem
<b>8.</b>	<b>Các hạng mục khác</b>	
8.1	Thạch cao trang trí	- Khung, tấm: Vĩnh Tường - Khối lượng: theo thiết kế hoặc theo khối lượng thi công thực tế - Chung loại: loại 3
8.2	Khung sắt mái lấy sáng cầu thang và lỗ thông tầng (nếu có)	- Sắt hộp: 13x26x1,0mm - Tấm lợp Polycarbonat dày 3mm
8.3	Lan can ban công	- Lan can kính cường lực dày 10mm, tay vịn Inox 304 dày 1.2mm
8.4	Tay vịn cho lan can ban công	- Tay vịn sắt hộp - Kích thước: 50x50
8.5	Ngói hoặc Tôn (nếu có)	- Ngói Đồng Tâm - Tôn lạnh
8.6	Cửa cổng	- Không bao gồm
<b>III.</b>	<b>Các hạng mục không nằm trong báo giá hoàn thiện trọn gói - Chủ đầu tư sẽ thực hiện khi có nhu cầu.</b>	
	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cửa cuốn, cửa kéo</li> <li>2. Máy nước nóng trực tiếp</li> <li>3. Tủ kệ bếp, tủ âm tường</li> <li>4. Các thiết bị nội thất (giường, tủ, kệ, quầy bar, ...)</li> <li>5. Sân vườn, tiểu cảnh</li> <li>6. Các phụ kiện toilet khác theo thiết kế (bồn tắm nằm, bồn tắm kính, kệ lavabo)</li> <li>7. Vật liệu trang trí hoàn thiện các vách ngoài sơn nước</li> <li>8. Đèn chùm trang trí, đèn trụ cổng, đèn rọi tranh</li> <li>9. Các thiết bị gia dụng: máy lạnh, máy hút khói, hút mùi, bếp gas</li> <li>10. Các loại sơn khác ngoài sơn nước, sơn dầu: sơn gai, sơn giả đá, sơn giả gỗ</li> </ol>	

\* Lưu ý:

- Đơn giá trên áp dụng cho công trình có tổng diện tích >250m<sup>2</sup> và có 1 mặt tiền trước.
- Đơn giá trên áp dụng với những chủng loại vật tư - thiết bị được đề xuất và điều kiện thi công tại thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận như Long An, Bình Dương và Đồng Nai khi công trình nằm trên đường có ô tô 5m<sup>3</sup> có thể lưu thông.
- Chủ đầu tư có thể chọn lại (hoặc mua) các chủng loại vật tư - thiết bị để phù hợp với nhu cầu sử dụng và khả năng tài chính của gia đình. Khi đó đơn giá có thể được tính lại theo nguyên tắc: lấy đơn giá mua nhân thêm 8% (8% được hiểu là chi phí quản lý và chi phí thiết bị phục vụ thi công).
- Nếu Quý khách hàng có bản vẽ thiết kế chi tiết kiến trúc, kết cấu, điện nước Quý khách có thể liên hệ với chúng tôi theo số điện thoại **038. 4567897** để được tư vấn và báo giá chính xác nhất.
- Đơn giá trên được áp dụng từ **tháng 10 năm 2024** cho đến khi có thông báo mới được gửi đến khách hàng.
- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế GTGT

**IV. Hồ sơ thi công Chủ đầu tư cung cấp bao gồm:**

**Hồ sơ thiết kế kết cấu và kiến trúc toàn bộ căn nhà gồm:**

- Thiết kế kiến trúc
- Thiết kế phối cảnh mặt tiền
- Thiết kế kết cấu
- Thiết kế hệ thống điện, HT thông tin và camera (nếu có).
- Thiết kế hệ thống cấp thoát nước.

**V. Cam kết của bên đơn vị thi công**

- Thi công đúng theo chủng loại, đúng khối lượng vật tư theo bản vẽ thiết kế và bảng chủng loại vật tư đã được phê duyệt.
- Tuyệt đối không sử dụng vật tư nhái, vật tư giả, vật tư kém chất lượng sử dụng cho công trình.
- Thi công đúng theo bản vẽ thiết kế được duyệt.
- Thi công đúng theo tiêu chuẩn xây dựng và đúng theo chỉ dẫn thi công đã cam kết.
- Cam kết tiến độ thi công đúng thời gian đã ký trong hợp đồng.

TP. Hồ Chí Minh, tháng 10 năm 2024  
**CÔNG TY TNHH TM - ĐT - XD TIC SAIGON**